TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 13-7-2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hai

Ông Lê Quang Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 6 và ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 2000.
Địa chỉ: ấp K, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo D, sinh năm 1999.
Địa chỉ: ấp N, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Bảo D sau thời gian tìm hiểu 01 năm thì tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 2018, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/10/2019. Sau khi đám cưới vợ chồng sống chung bên gia đình nhà chị N, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên sử dụng ma túy (ma túy đá). Khi sử dụng thì không kiềm chế được hành vi nên kiếm chuyện gây gổ với chị N. Chị N khuyên nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi. Bản thân anh D không thừa nhận còn sử dụng ma túy nhưng lại để dụng cụ sử dụng ma túy trong nhà vệ sinh. Ngoài ra, anh D cũng không phụ tiếp tiền bạc cùng chị N để lo cho con. Từ tháng 01/2022, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D nên chị N đã đưa con lên Thành phố M sống và vợ chồng ly thân đến nay.

Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, chị N yêu cầu ly hôn anh D.

Về nuôi con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 01/11/2018 (hiện con đang sống chung với chị N). Do con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ nên khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi con. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Bảo D trình bày:

Anh D thống nhất theo lời trình bày của chị N về thời gian tìm hiểu, chung sống, kết hôn, tổ chức đám cưới. Sau khi đám cưới vợ chồng sống bên gia đình chị N. Quá trình sống chung vợ chồng cũng có một số mâu thuẫn do anh D không chăm sóc tốt cho chị N và con nên vợ chồng có cự cãi, gây gổ. Tuy nhiên, anh D nhận thấy đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ và bản thân anh D có thể sửa đổi để vợ chồng hàn gắn tiếp tục chung sống. Về phía anh D thừa nhận trước khi kết hôn với chị N, anh D có sử dụng ma túy nhưng từ sau khi kết hôn, anh D không còn sử dụng ma túy nữa.

Nay về tình cảm anh D còn thương chị N nên anh D không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn chị N cho anh cơ hội sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống và cùng chăm sóc nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 01/11/2018 (hiện con đang sống chung với chị N). Trường hợp ly hôn, anh D yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh D thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh D không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự (nguyên đơn) thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N và anh D ly hôn. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là 'Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con chung". Bị đơn anh Nguyễn Bảo Duy cư trú tại xã D, thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương N có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, xét thấy trường hợp vắng mặt của chị N không thuộc trường hợp đình chỉ vụ án; Đối với bị đơn anh Nguyễn Bảo D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Bảo D chung sống vợ chồng vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/10/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh D sử dụng ma túy. Về phía anh D thừa nhận trước khi kết hôn với chị N, anh D có sử dụng ma túy. Tuy nhiên, từ sau khi kết hôn anh không còn sử dụng nữa, nhưng lại để dụng cụ sử dụng ma túy trong nhà vệ sinh nên chị N không còn tin tưởng anh D. Từ tháng 01/2022 chị N đã đưa con lên Thành phố M sinh sống và không còn sống chung với anh D. Mặc dù, bản thân anh D có hòa giải, hàn gắn nhưng chị N cũng không còn niềm tin đối với anh D, không đồng ý quay về tiếp tục chung sống. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không thể hàn gắn được. Hơn nữa, hiện nay mỗi người sống một nơi, chị N lên Thành phố M làm thuê, còn anh D thì sống ở Sa Đéc. Tại phiên tòa, chị N có đơn xin vắng mặt nhưng

vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh D. Về phía anh D không đồng ý ly hôn chị N vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N, anh D mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ chung sống với nhau để cùng chăm lo cho con nhưng anh D cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị N.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh D đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, nếu anh chị có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh D thống nhất quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 01/11/2018, hiện con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau ly hôn thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Tại Khoản 1, 2 Điều 81. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại Khoản 3 Điều 82. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định

"3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".

Xét thấy, từ sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên chị N đã đưa con lên Thành phố M sống cho đến nay. Hiện tại cháu N1 đang sống ổn định với chị N, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, bản thân chị N đang phụ tiếp bán quán ăn với chị của chị N, thuận tiện cho việc chăm sóc cháu N1. Đồng thời, gia đình chị N cũng phụ tiếp chị N chăm sóc cho cháu N1. Về phía anh D hiện làm việc ở khu công nghiệp, thỉnh thoảng cũng có tăng ca, ít có thời gian chăm sóc con. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N1, nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết giao chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 sau khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N1 trong sinh hoạt cũng như cuộc sống. Về phía anh D có quyền, nghĩa vụ

đến thăm con, không ai được quyền cản trở là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương N. Cho chị Nguyễn Thị Phương N ly hôn anh Nguyễn Bảo D.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Phương N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn tên Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 01/11/2018, hiện con đang sống chung với chị N.

Anh Nguyễn Bảo D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Phương N không yêu cầu anh Nguyễn Bảo D cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp ngày 09/5/2022 theo biên lai thu số 0000790 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- Đương sự;
- UBND xã D, TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Phấn